TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ DĨ AN** TỈNH BÌNH DƯƠNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 145/2018/HNGĐ-ST
Ngày 09-11-2018
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lại Thị Ngọc Liên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Phú Tâm

2. Bà Nguyễn Thị Ngọc Diễm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Chu Thị Vân - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Dĩ An tham gia phiên tòa: Ông Phan Văn Tuân - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 11 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số: 747/2018/TLST-HNGĐ 17/7/2018 về việc "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 154/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 9 năm 2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Võ Thị Mỹ D, sinh năm 1970; thường trú: Số 23/14 khu phố Đ, phường H, thị xã D, tỉnh B. Chỗ ở hiện nay: Số 39/209, khu phố 3, tổ 10, phường T, thành phố H, tỉnh N. Có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1968; thường trú: Số 23/14 khu phố Đ, phường H, thị xã D, tỉnh B. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện đề ngày 10/7/2018 và các lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn chị Võ Thị Mỹ D trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Sau thời gian tìm hiểu nhau khoảng 06 tháng, chị Võ Thị Mỹ D và anh Nguyễn Văn T tự nguyện chung sống với nhau vào năm 1989, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện T, tỉnh S (nay là phường Đ, thị xã D, tỉnh B) vào ngày 26/6/1989, theo Giấy chứng nhận kết hôn số 410, quyển số 01. Sau khi kết hôn, chị D và anh T sống tại huyện T (nay là thị xã D , tỉnh B). Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc được thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, đến năm 2017 mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh T

thường xuyên uống bia, rượu không phụ giúp kinh tế, không chăm sóc gia đình, ngoài ra anh T còn chơi cờ bạc dẫn đến nợ nần phải bán nhà. Chị D về nhà mẹ ruột ở thành phố H, tỉnh N sống và vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay, mạnh ai nấy sống, không quan tâm, chăm sóc nhau dẫn đến tình cảm vợ chồng phai nhạt dần. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị D yêu cầu được ly hôn với anh T.

Về con chung: Qúa trình sống chung, vợ chồng có 03 con chung tên Nguyễn Hoàng Phương Đ, sinh ngày 26/4/1990; Nguyễn Hoàng Thu T, sinh ngày 24/12/1991 và Nguyễn Hoàng Thu P, sinh ngày 20/01/1995. Các con đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Tại biên bản lấy lời khai ngày 02/8/2018, bị đơn anh Nguyễn Văn T trình bày: Thống nhất với chị D về thời gian tìm hiểu, đăng ký kết hôn, thời gian sống chung và việc chơi cờ bạc dẫn đến nợ nần phải bán nhà, anh T xác định thỉnh thoảng có uống bia rượu nhưng vẫn chăm sóc gia đình và con cái. Ngoài ra, anh T còn nghi ngờ chị D không chung thủy nhưng anh không có chứng cứ chứng minh. Hiện nay vợ chồng đã sống ly thân với nhau, mạnh ai nấy sống, không quan tâm, chăm sóc nhau. Tuy nhiên, anh T vẫn còn thương vợ, thương con, anh mong muốn gia đình đoàn tụ để vợ chồng cùng nuôi dạy các con nên anh không đồng ý ly hôn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã D tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến tại phiên tòa, Tòa án và nguyên đơn chấp hành đúng pháp luật về tố tụng dân sự. Nguyên đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Bị đơn không chấp hành theo quy định tại Điều 70 Bộ luật tố tụng dân sự. Căn cứ vào Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn là đúng quy định. Về nội dung vụ án: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, quyết định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về sự vắng mặt của các đương sự: Ngày 09/11/2018, nguyên đơn có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa vào các ngày 16/10/2018 và ngày 09/11/2018 nhưng bị đơn vẫn vắng mặt không lý do. Căn cứ Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Võ Thị Mỹ D và anh Nguyễn Văn T đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện T, tỉnh S (nay là phường Đ, thị xã D, tỉnh B) vào ngày 26/6/1989, theo Giấy chứng nhận kết hôn số 410, quyển số 01, là hôn nhân hợp pháp.

Chị D xác định quá trình chung sống với anh T vợ chồng chỉ hạnh phúc thời gian ngắn, sau đó thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do anh T thường xuyên uống bia, rượu không chăm sóc gia đình và vợ con, đến năm 2017 mâu thuẫn ngày càng trầm

trọng do anh T chơi cờ bạc dẫn đến nợ nần phải bán nhà, từ đó chị D và anh T sống ly thân với nhau. Do tình trạng mâu thuẫn kéo dài đã lâu làm cho tình cảm vợ chồng phai nhạt dần. Mặt khác, chính anh T cũng thừa nhận trong quá trình chung sống vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh T nghi ngờ chị D không chung thủy nhưng anh không có chứng cứ, anh T thỉnh thoảng có uống rược bia và do anh chơi cờ bạc dẫn đến nợ nần nên vợ chồng phải bán nhà, hiện tại vợ chồng đã sống ly thân với nhau. Anh T xác định vẫn thương vợ, thương con nên không đồng ý ly hôn và muốn vợ chồng đoàn tụ nhưng không được chị D chấp nhận.

Xét, mục đích của hôn nhân là nhằm xây dựng gia đình no ấm, bình đẳng, hạnh phúc; để đạt được mục đích đó vợ chồng phải chung thủy, thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ, tạo điều kiện cho nhau phát triển về mọi mặt. Tuy nhiên, do mâu thuẫn vợ chồng giữa chị D và anh T đã diễn ra trong thời gian dài và cả hai người cũng không có giải pháp nào để khắc phục. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập anh T đến hòa giải để hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng anh T không đến Tòa án, anh T cho rằng vẫn còn tình cảm với chị D nhưng anh T không có phương án nào để cải thiện, hàn gắn tình cảm vợ chồng, điều này chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng đã thật sự trầm trọng, cuộc sống vợ chồng không mang lại hạnh phúc cho nhau, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, chị D yêu cầu được ly hôn với anh T là có căn cứ, phù hợp với quy định của Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: Các con đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Từ những phân tích trên, có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã D, tỉnh B.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Võ Thị Mỹ D phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 4 Điều 147, Điều 228, Điều 238, Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự; các Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Võ Thị Mỹ D đối với anh Nguyễn Văn T về việc ly hôn.

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Võ Thị Mỹ D được ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

- Về con chung: Các con đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

2. Về án phí: Chị Võ Thị Mỹ D phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0019777, ngày 17/7/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã D, tỉnh B.

3. Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh B
- VKSND thị xã D;
- Chi cục THADS thị xã D;
- UBND phường Đ, thị xã D, tỉnh B;
- Đương sự;
- Lưu: VP, HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lại Thị Ngọc Liên